

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH D**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2023
“Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH D**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Dũng
2. Ông Hoàng Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Thúy Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 225/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXX - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37^A/2022/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trương Văn N**, sinh năm 2000, ĐKKH và trú tại: Thôn T, xã H, thị xã K, tỉnh D. Có mặt

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Khánh C**, sinh năm 2002, địa chỉ: Thôn N1, xã L, thị xã K, tỉnh D. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trương Văn N trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Khánh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã K, tỉnh D vào ngày 09/5/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được khoảng 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về cách sống, lối sống của chị C. Tuy đã có gia đình nhưng chị C không dành thời gian cho gia đình mà thường chơi bời với bạn bè bên ngoài, khi anh và gia đình khuyên bảo nhưng chị C không nghe, không thay đổi dẫn đến vợ chồng cãi vã và không có tiếng nói

chung. Tháng 2/2023, mâu thuẫn vợ chồng trở lên căng thẳng, chị C đã về nhà bố mẹ của chị C ở xã L, thị xã K sinh sống. Từ đó vợ chồng mỗi người một nơi chấm dứt về mặt tình cảm. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị C không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C.

- Về con chung: Anh N xác định, anh và chị C không có con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Khánh C, tuy nhiên chị C đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, giữa Anh N, chị C, cụ thể như sau:

- Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Vũ Thị Minh (là mẹ đẻ chị C) thì được Bà M cho biết: Chị C và Anh N kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã K, tỉnh D. Sau khi kết hôn vợ chồng chị C về chung sống cùng Anh N tại xã H, thị xã K. Theo bà được biết cuộc sống chung giữa chị C, Anh N đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống. Do Anh N đã đuổi chị C đi nên từ tháng 2/2023 chị C phải về ở với vợ chồng bà ở N1, xã L, thị xã K, tỉnh D. Từ đó vợ chồng Anh N, chị C mỗi người một nơi, chấm dứt với nhau về mặt tình cảm. Khi nhận được Thông báo thụ lý, giấy triệu tập của Tòa án gửi cho chị C. Bà M là người nhận và giao lại cho Chi, do chị C cũng xác định tình cảm vợ chồng các cháu không còn, việc Anh N xin ly hôn thì tùy ở Anh N quyết định.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Trương Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị C. Bị đơn chị C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự đã được triệu tập đến Tòa án, nguyên đơn có mặt là đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa Anh N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị C. Trên cơ sở tài liệu chứng cứ đã thu thập xác định giữa Anh N, chị C đã xảy ra mâu thuẫn. Thực tế từ nhiều tháng nay, Anh N, chị C mỗi người một nơi không còn quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận

yêu cầu của Anh N, xử cho Anh N được ly hôn với chị C là phù hợp với thực tế về mâu thuẫn vợ chồng. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có. Anh N không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn là chị Nguyễn Thị Khánh C cư trú tại xã L, thị xã K, tỉnh D. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh D. Chị C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, HĐXX xét xử vắng mặt chị C là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh N, chị C kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa, thị xã K, tỉnh D vào ngày 09/5/2022 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì thấy về thời gian Anh N, chị C sống ly thân, mỗi người một nơi chấm dứt với nhau về quan hệ tình cảm, là phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập, và đã có đủ cơ sở xác định: Trong quá trình chung sống, vợ chồng Anh N, chị C đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do các bên không còn sự thương yêu, quý trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ: Thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh N, chị C kéo dài từ nhiều tháng nay, cả hai đều không có biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ được với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập chị C, thông báo hòa giải tuy nhiên chị C đều vắng mặt không có lý do điều đó thể hiện ý thức bỏ mặc không mong muốn được đoàn tụ. Tại phiên tòa, Anh N xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và chị C không còn, Anh N giữ yêu cầu xin ly hôn với chị C. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh N và chị C đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Anh N, xử cho Anh N được ly hôn chị C là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Anh N, chị C không có con chung.

[5] *Về tài sản chung, vay nợ chung:* Anh N xác định không có tài sản chung. Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[7] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì Anh N phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ:** Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Căn cứ:** điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2010 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Trương Văn N được ly hôn với chị Nguyễn Thị Khánh C.

- *Về con chung:* Anh Trương Văn N, chị Nguyễn Thị Khánh C không có con chung.

2. Về án phí: Anh Trương Văn N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh D theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0004551 ngày 19/6/2023. Anh N đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Ấn xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân thị xã K;
- Chi cục thi hành án DS thị xã K;
- UBND xã H, thị xã K (Giấy CNKH số 85 ngày 09/5/2022) ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh